

Số: /KH-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
Phát triển chè trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

Phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021 được quan tâm chỉ đạo sát sao và đạt kết quả quan trọng: năng suất, sản lượng chè tăng cao so với năm 2015; đến hết năm 2021, diện tích chè toàn tỉnh đạt 15,4 nghìn ha, năng suất chè búp tươi đạt 122,5 tạ/ha, tăng 18% (+18,8 tạ/ha), sản lượng chè búp tươi đạt 185,2 nghìn tấn, tăng 14% (+22,8 nghìn tấn) so với năm 2016. Tư duy, nhận thức về phát triển sản xuất hàng hóa, đảm bảo an toàn thực phẩm của người dân có nhiều chuyển biến tích cực; diện tích các vùng sản xuất tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị được mở rộng, hình thành và phát triển 142 vùng sản xuất chè xanh tập trung với diện tích 3,25 nghìn ha; tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất chè được ngày càng được nhân rộng đã góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm¹. Hệ thống cơ sở chế biến chè ngày càng phát triển, với sản lượng chế biến bình quân khoảng 60 nghìn tấn/năm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu²; cơ cấu sản phẩm chè qua chế biến có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ lệ chè xanh và chè khác (chè ô long, chè ướp hương, chè Matcha,...) chiếm khoảng 30%; công tác quản lý, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu chè ngày càng được quan tâm, đến nay có 18 sản phẩm chè đạt chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên, trong đó có 10 sản phẩm chè hạng 4 sao; năm 2020, nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Thọ” đã được cấp văn bằng bảo hộ góp phần nâng cao uy tín, giá trị kinh tế, sức cạnh tranh của các sản phẩm chè trên địa bàn tỉnh; hiệu quả sản xuất chè ngày càng được nâng cao, nhiều hộ gia đình đã vươn lên làm giàu từ cây chè, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển sản xuất chè còn một số tồn tại, hạn chế như: Công tác chỉ đạo của một số địa phương còn chưa được quan tâm, chưa xác định vùng sản xuất hàng hóa để tập trung chỉ đạo; sản xuất qui mô nông hộ nhỏ lẻ, manh mún, thiếu liên kết, nhận thức về sản xuất

¹ Diện tích chè ứng dụng IPM đạt trên 11 nghìn ha, chiếm 71% tổng diện tích, diện tích được chứng nhận theo quy trình sản xuất chè an toàn (RA, VietGAP,...) đạt 3,4 nghìn ha; tỷ lệ chè giống mới đạt 77,6%, tăng 6,6% so với năm 2016; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất chè nâng cao hiệu quả sản xuất, trong đó: khâu chăm sóc, phun thuốc bảo vệ thực vật đạt tỷ lệ 84,8%, khâu thu hoạch đạt tỷ lệ 85,8%).

² Trên địa bàn tỉnh có 57 cơ sở chế biến chè có công suất chế biến trên 1 tấn chè búp tươi/ngày, trong đó có 21 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO, HACCP; 14 HTX, 18 làng nghề, trên 800 cơ sở chế biến chè thủ công hộ gia đình.

hàng hóa, an toàn thực phẩm còn hạn chế; liên kết giữa phát triển vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến thiếu chặt chẽ, đa số tiêu thụ qua thương lái, không có hợp đồng, còn tình trạng tranh mua, tranh bán chè nguyên liệu; việc áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác còn hạn chế, năng suất, chất lượng chè còn thấp, chưa đảm bảo an toàn thực phẩm; tỷ lệ cơ cấu giống chè phục vụ chế biến chè xanh chất lượng cao còn thấp, sản phẩm chủ yếu là chè đen, sản phẩm chế biến chủ yếu xuất thô, giá bán thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao; hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác còn mang tính hình thức, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ còn khó khăn.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè, xây dựng ngành chè thành ngành hàng chủ lực có giá trị gia tăng cao của tỉnh; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 1111/SNN-TT&BVTV ngày 20 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch phát triển chè trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai cụ thể hóa Kế hoạch số 4889/KH-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025; khai thác, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của từng vùng, địa phương;

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động về tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè; ứng dụng đồng bộ các quy trình kỹ thuật, cải thiện nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị thu nhập cây chè;

- Cụ thể hóa bằng các chương trình, dự án liên kết phát triển sản xuất tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gắn với phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại kết nối các hộ trong vùng sản xuất tập trung; thống nhất về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, liên kết tiêu thụ sản phẩm hình thành chuỗi ngành hàng chủ lực có giá trị cao của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Cơ cấu lại ngành chè theo hướng tăng cường liên kết, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị ngành hàng;

- Ứng dụng khoa học công nghệ đồng bộ trong các khâu từ sản xuất, đến chế biến góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP,

hữu cơ...), xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm và phát triển bền vững; tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Tăng cường liên kết phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trong đó tập trung rà soát quỹ đất Công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam bàn giao về cho tỉnh quản lý, thu hút đầu tư phát triển vùng nguyên liệu chè xanh chất lượng cao gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ chè; chú trọng cải tạo vùng nguyên liệu chè hiện có, trồng bổ sung thay thế diện tích chè cần xấu bằng các giống có chất lượng cao phục vụ chế biến và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Ổn định diện tích chè toàn tỉnh khoảng 15,7 nghìn ha, năng suất chè búp tươi bình quân đạt 125 tạ/ha, sản lượng đạt 195 nghìn tấn, tăng 5,3% (10 nghìn tấn) so với năm 2021;

- Trồng mới, trồng bổ sung diện tích chè cần xấu khoảng 600 ha để nâng diện tích vùng sản xuất tập trung đạt trên 6 nghìn ha; trong đó tập trung rà soát, khai thác có hiệu quả khoảng 270 ha quỹ đất các Công ty lâm nghiệp bàn giao về cho tỉnh quản lý³; khuyến khích trồng thay thế, cải tạo chè bằng các giống chè chất lượng cao, phát triển các vùng sản xuất tập trung chè xanh chất lượng cao trên địa bàn các huyện trọng điểm: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn;

- Chú trọng áp dụng biện pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất trong sản xuất, chế biến chè. Phân đấu diện tích chè ứng dụng IPM đạt 90%; diện tích chè được áp dụng quy trình sản xuất tốt, an toàn (GlobalGAP, RA, VietGAP, hữu cơ,...) chiếm trên 40% (khoảng 6 nghìn ha, trong đó chứng nhận mới 2,6 nghìn ha đạt tiêu chuẩn VietGAP);

- Đa dạng hóa sản phẩm chè, phân đấu tỷ lệ chè xanh và các sản phẩm chè chế biến sâu (Ô long, thảo dược, matcha,...) đạt trên 40% trong cơ cấu chế biến; phân đấu giá trị sản phẩm bình quân chè xanh đạt khoảng 135 triệu đồng/1ha; tỷ lệ sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 40%;

- 100% thành viên HTX sản xuất nông nghiệp, trang trại, nông dân nòng cốt tại vùng sản xuất tập trung được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, cập nhật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, thông tin thị trường;

- Phân đấu 100% diện tích sản xuất chè tập trung được quản lý, cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy suất nguồn gốc theo yêu cầu của các nước nhập khẩu;

- Xây dựng, hình thành các vùng sản xuất chè an toàn, liên kết sản xuất, chế biến, hình thành và phát triển 3-4 điểm quảng bá văn hóa trà đất Tổ gắn với du lịch.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

³ Tập trung tại các xã: Ngọc Lập, huyện Yên Lập; Thạch Kiệt, Xuân Đài, huyện Tân Sơn; Thục Luyện, huyện Thanh Sơn; Tứ Hiệp, Hà Lương, huyện Hạ Hoà.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tập trung chỉ đạo đổi mới tư duy sản xuất theo hướng hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đổi mới các hình thức, phương thức tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường, hình thành chuỗi ngành hàng chủ lực của tỉnh;

- Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, nhất là đối với các huyện có diện tích chè lớn (Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập) tập trung rà soát, xác định rõ các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn để chỉ đạo cụ thể hóa bằng các kế hoạch, chương trình, dự án theo chuỗi giá trị, nhằm cải tạo nâng cao năng suất, chất lượng vùng chè nguyên liệu đáp ứng yêu cầu và các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất, chế biến chè xanh và nguyên liệu phục vụ chế biến chè đen;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề và cơ sở chế biến đầu tư áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; đồng thời rà soát, sắp xếp xây dựng vùng nguyên liệu ổn định hoặc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với người dân cung cấp nguyên liệu, hình thành chuỗi nguyên liệu - chế biến - tiêu thụ;

- Tăng cường chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh chè; chú trọng thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh, buôn bán vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến chè trên địa bàn; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hình thức tổ chức sản xuất

- Tiếp tục rà soát, xác định quỹ đất để phát triển các vùng chè tập trung hàng hóa, nhất là đối với diện tích đất các công ty Lâm nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam bàn giao cho tỉnh quản lý, để thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế đầu tư phát triển sản xuất gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ;

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng tăng cường liên kết theo hợp đồng giữa doanh nghiệp chế biến với hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm nhằm đảm bảo sự ổn định, đủ nguyên liệu chè tươi cho chế biến; triển khai 08 dự án hỗ trợ phát triển chè (06 dự án hỗ trợ sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh Phú Thọ; 02 dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm), xây dựng phát triển các sản phẩm OCOP (với ít nhất 38 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên) phấn đấu tỷ lệ sản phẩm sản xuất tiêu thụ thông qua các hình thức hợp tác, liên kết đạt 55-60 nghìn tấn/năm;

- Cùng cố các Hợp tác xã, làng nghề chè hiện có, thành lập mới 10-15 hợp tác xã sản xuất, chế biến kinh doanh chè trở thành các tác nhân kinh tế trong hoạt động dịch vụ cung cấp vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra, là cầu nối liên kết

với doanh nghiệp; xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm chè hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả;

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến chè theo công nghệ mới, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (HACCP, ISO), kiểm soát chặt chẽ an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè; hình thành, phát triển các chuỗi sản xuất bền vững, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị.

- Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, trong đó tập trung các khâu về giống, chế biến:

- + Về giống: Quản lý chặt chẽ hoạt động của các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% giống được đưa vào canh tác trên địa bàn tỉnh có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Thực hiện trồng mới, trồng thay thế khoảng 600 ha tại các vùng sản xuất tập trung bằng các giống chè mới, chất lượng cao (phù hợp cho chế biến chè xanh gồm giống PH8, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Bát Tiên, Hương Bắc Sơn, VN15; phù hợp chế biến chè đen là PH11, PH1, LDP2 và phù hợp cho cả chế biến chè xanh và chè đen là LDP1, TRI5.0); nâng tỷ lệ chè giống mới có chất lượng, năng suất, chất lượng cao đạt trên 80% (tăng 3% so với năm 2021);

- + Về chế biến: Phân đầu nâng cao tỷ lệ chế biến chè xanh đạt 40%; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở chế biến đổi mới dây chuyền, thiết bị chế biến chế biến hiện đại, chế biến sâu, đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến ISO, HACCP...

- Rà soát sắp xếp, xác định rõ và thực hiện phân vùng nguyên liệu cho các cơ sở chế biến chè, đảm bảo đáp ứng các quy định theo Quy chuẩn quốc gia về cơ sở chế biến chè (QCVN 01-07:2009/BNNTPTNT); gắn trách nhiệm của các cơ sở chế biến với việc đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu thông qua việc ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán chè nguyên liệu; đảm bảo ít nhất 80% lượng nguyên liệu hàng năm của các nhà máy chế biến theo thiết kế;

- Xây dựng, phát triển các vùng sản xuất chè theo hướng sinh thái gắn với phát triển du lịch, hình thành một số điểm quảng bá văn hoá trà Đất tổ với diện tích khoảng 1.000 ha tại các huyện có lợi thế như: Vùng đồi chè Long Cốc, Văn Luông, Minh Đài, Mỹ Thuận huyện Tân Sơn); vùng chè Shan gắn với điểm du lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn; vùng đồi chè Địch Quả, Văn Miếu, Võ Miếu huyện Thanh Sơn) gắn với điểm du lịch trải nghiệm; vùng đồi chè Yên Kỳ (Hạ Hòa) gắn với điểm du lịch văn hóa, nông nghiệp, làng nghề.

3. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất

- Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, các quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ, áp dụng công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh để nâng cao năng suất, chất lượng, sức

cạnh tranh của sản phẩm; Áp dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm, ưu tiên chế biến tinh, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm (chè xanh chất lượng cao, chè Ô long, matcha, nước uống đóng chai từ chè...);

- Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật theo hướng hiện đại: các biện pháp tưới nước tiết kiệm, bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, trồng cây che bóng bổ sung cho vườn chè; kỹ thuật đốn, hái chè bằng máy không để ảnh hưởng đến năng suất, tuổi thọ vườn chè; sản xuất theo các quy trình nông nghiệp tốt (VietGAP, GAP khác, nông nghiệp hữu cơ...) nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với chè nguyên liệu phục vụ nhu cầu chế biến;

- Xây dựng các mô hình thử nghiệm, hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăm sóc, thâm canh, sản xuất chè an toàn đảm bảo tính toàn diện, tổng thể theo chuỗi giá trị; thường xuyên theo dõi, đánh giá khuyến cáo các giống chè có năng suất, chất lượng cao phù hợp với từng vùng, địa phương, phù hợp với mục đích chế biến chè xanh, chè đen và thị trường tiêu thụ;

- Tăng cường hợp tác với các Trường đại học, các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Phát huy vai trò của hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở; củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên nghiệp để giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm.

4. Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

- Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá về thị trường tiêu thụ, kịp thời cung cấp thông tin về thị trường để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân nâng lực tiếp cận thị trường (thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ thương hiệu...);

- Xây dựng hệ thống cung ứng chè theo hướng hiện đại, kết nối được sản xuất với phân phối, tiêu dùng nông sản thành chuỗi giá trị, ổn định và bền vững; củng cố, phát triển các điểm, các kênh phân phối chính thức và uy tín như cửa hàng giới thiệu sản phẩm, siêu thị, sàn giao dịch thương mại điện tử, hình thành hệ thống bán buôn, bán lẻ; đẩy mạnh quảng bá và bán hàng trên mạng xã hội (Facebook, zalo...);

- Tích cực tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm chè Phú Thọ tại các lễ hội, hội chợ; tổ chức các Lễ hội chè, Tuần lễ văn hóa chè Đất Tổ... gắn với các sự kiện quan trọng của tỉnh; biên tập, xây dựng các ấn phẩm, tập san giới thiệu, quảng bá chè Phú Thọ;

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và nghiên cứu, tiếp cận các thị trường xuất khẩu như: Nga, Đài Loan, Nhật Bản, các nước Eu, Pakistan.....

5. Quản lý, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu chè

- Hỗ trợ tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chè trên cơ sở đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phấn đấu đến năm 2025, tăng thêm

tối thiểu 05 doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh chè đủ điều kiện và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Thọ”;

- Tăng cường xúc tiến việc xây dựng, đăng ký nhãn mác hàng hoá, chuẩn hoá chất lượng sản phẩm để các doanh nghiệp chế biến chè của tỉnh được gắn “thương hiệu Quốc gia chè Việt Nam”; đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Thọ” tại một số thị trường nước ngoài tiềm năng như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Trung Quốc và một số nước Trung đông. Phấn đấu đến năm 2025 có 100% sản phẩm chè OCOP (38 sản phẩm) đạt chứng nhận 3 sao trở lên được cấp nhãn hiệu chè Phú Thọ; 100% sản phẩm chè mang nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ được truy suất nguồn gốc, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Thực hiện chuyển đổi số, cấp mã số vùng trồng cho vùng cho các vùng sản xuất tập trung, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo truy suất nguồn gốc sản phẩm; cải thiện mẫu mã bao bì, túi đựng; hỗ trợ nhãn mác, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vùng trồng để xây dựng và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Phú Thọ;

- Hỗ trợ xây dựng các điểm quảng cáo, chỉ dẫn sản phẩm chè Phú Thọ tại các vị trí thuận lợi, các vùng chè trọng điểm, nơi có cảnh quan đồi chè đẹp góp phần phát triển sản xuất chè gắn với văn hóa chè, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái.

6. Đảm bảo an toàn thực phẩm

- Đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, an toàn thực phẩm bền vững trong sản xuất đặc biệt là với vùng sản xuất tập trung. Đến năm 2025, diện tích chè được áp dụng quy trình sản xuất tốt, an toàn (GlobalGAP, RA, VietGAP, hữu cơ,...) chiếm trên 40% diện tích (khoảng 6 nghìn ha), 2% diện tích vùng tập trung được sản xuất theo hướng hữu cơ;

- Khuyến khích các cơ sở chế biến đầu tư cải tiến, thay thế thiết bị công nghệ chế biến, hoàn thiện nhà xưởng, công nghệ chế biến theo quy định; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế để nâng cao chất lượng; đến năm 2025, 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh chè trên địa bàn tỉnh đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định; trên 50% nhà máy chế biến thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO, HACCP.

7. Về cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh; tập trung hỗ trợ vào các khâu khó, khâu yếu của quá trình sản xuất như: đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường;

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản xuất chè theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè

xanh Phú Thọ; hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai phát triển sản xuất; thương sản phẩm đạt chuẩn OCOP;

- Huy động, lồng ghép nguồn vốn hợp pháp khác từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn tín dụng ngân hàng chính sách xã hội, các chương trình khuyến công, khuyến nông và các nguồn vốn xã hội hóa để triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ

Dự kiến kinh phí thực hiện kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025 là 78.050 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước (hỗ trợ theo chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và lồng ghép các chương trình dự án): 41.650 triệu đồng;

- Phần vốn còn lại do tổ chức, cá nhân và người dân tự đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu kế hoạch; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định cụ thể diện tích các vùng sản xuất tập trung, nhất là quỹ đất các Công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam bàn giao về cho tỉnh quản lý để thu hút các dự án đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị;

- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất chè gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm quy mô lớn, gắn với đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất (Trang trại, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hiệp hội, nhóm hộ...) liên kết với các doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị; các vùng sản xuất chè theo hướng sinh thái gắn với phát triển du lịch, hình thành một số điểm quảng bá, giới thiệu văn hoá trà Đất Tổ;

- Tổ chức đầy đủ các lớp tập huấn áp dụng quy trình kỹ thuật, áp dụng các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt; đảm bảo quy trình chăm sóc, phù hợp với điều kiện từng vùng... hỗ trợ các cơ sở sản xuất, chế biến nâng cao năng lực và kỹ năng tổ chức sản xuất, giám sát chất lượng, tiếp cận thị trường, thông tin về sản phẩm; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển thương hiệu chè Phú Thọ góp phần nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm;

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm chè Phú Thọ, kết nối giao thương tiêu thụ sản phẩm tại các lễ hội, hội chợ trong và ngoài tỉnh; tổ chức các Lễ hội chè, Tuần lễ văn hóa chè Đất Tổ... gắn với các sự kiện quan trọng của tỉnh; biên tập, xây dựng các ấn phẩm, tập san giới thiệu, quảng bá chè Phú Thọ;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đảm bảo chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh buôn; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch; tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với quỹ đất các Công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam bàn giao về cho tỉnh quản lý; làm tốt công tác thẩm định chủ trương đầu tư các doanh nghiệp chế biến chè đảm bảo phải gắn với vùng nguyên liệu ổn định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch; hướng dẫn thanh, quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 3232/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ giai đoạn 2021-2025. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo hộ sở hữu trí tuệ; hướng dẫn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong sản xuất và kinh doanh chè;

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ khóa học công nghệ, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyển giao công nghệ, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm chè, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh...

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị thực hiện quản lý đất trồng cây lâu năm theo đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung đất đai phát triển vùng sản xuất chè tập trung.

6. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, khai thác, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiềm năng, đồng thời khai thác tốt các thị trường truyền thống; đề xuất các giải pháp để khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến theo hướng làm chủ công nghệ tiên tiến, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định;

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư phục vụ sản xuất và sản phẩm chè chế biến; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xuất bản, phát hành bản tin, ấn phẩm; tuyên truyền, phổ biến về chính sách nông nghiệp; hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu, hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước;

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, định hướng phát triển, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chè và nội dung Kế hoạch; giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng có hiệu quả trong sản xuất, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm; nhất là công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất và chế biến chè.

8. UBND các huyện vùng trọng điểm phát triển chè

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch trên địa bàn, trong đó tập trung cụ thể hóa bằng các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, phấn đấu đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn bám sát cơ sở, hướng dẫn người dân tổ chức sản xuất đảm bảo đạt hiệu quả cao;

- Tổ chức tuyên truyền, chỉ đạo, giao chỉ tiêu cụ thể cho các xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch; rà soát, xác định cụ thể quỹ đất phục vụ phát triển các vùng sản xuất chè tập trung, phù hợp với điều kiện, lợi thế của địa phương. Tích cực chỉ đạo vận động người dân thực hiện trồng mới, trồng bổ sung, thay thế bằng các giống chè có năng suất, chất lượng cao phục vụ chế biến chè xanh, đảm bảo mục tiêu kế hoạch; liên kết phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ ổn định, bền vững theo chuỗi giá trị ngành hàng, nâng cao giá trị sản phẩm chè, phát huy lợi thế của địa phương;

- Thực hiện rà soát sắp xếp, phân vùng nguyên liệu, hướng dẫn ký kết hợp đồng tiêu thụ chè đảm bảo cho các cơ sở chế biến trên địa bàn phải có vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định theo quy định;

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tập trung hướng dẫn xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo triển khai các dự án hợp tác liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè; các dự án sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương, kịp thời hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất trên địa bàn;

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tuyên truyền, tập huấn đầy đủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến chè;

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với người dân đầu tư phát triển sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm từ chè hình thành các chuỗi liên kết có giá trị cao;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đảm bảo chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón... trên địa bàn; quản lý, kiểm tra các cơ sở chế biến chè theo phân cấp, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thực phẩm theo quy định;

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia, tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ, khắc phục hạn chế sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo về sinh an toàn thực phẩm;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của hội viên, đoàn viên để kịp thời giải quyết, góp phần thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho đoàn viên, hội viên và người dân;

- Tăng cường giám sát, phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh chè với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Đài PT-TH, Báo Phú Thọ;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NN1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải